

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
KIỂM TRA 1 TIẾT VÀ HỌC KỲ 2
Năm học 2019 -2020**

1. Vật liệu dẫn điện có:

- a. Điện trở suất nhỏ, dẫn điện kém
- b. Điện trở suất nhỏ, dẫn điện tốt**
- c. Điện trở suất lớn, dẫn điện tốt
- d. Điện trở suất lớn, dẫn điện kém

2. Dung dịch điện phân, thủy ngân, than chì là:

- a. Vật liệu dẫn từ
- b. Vật liệu dẫn điện**
- c. Vật liệu cách điện
- d. Cả a, b, c đều sai

3. Vật liệu dẫn điện dùng để chế tạo:

- a. Các phân tử dẫn từ
- b. Các phân tử cách điện
- c. Các phân tử dẫn điện**
- d. Cả a, b, c đều sai

4. Vật liệu cách điện có:

- a. Điện trở suất nhỏ, cách điện tốt
- b. Điện trở suất nhỏ, cách điện kém
- c. Điện trở suất lớn, cách điện tốt**
- d. Điện trở suất lớn, cách điện kém

5. Hợp kim pheroniken, nicrom khó nóng chảy thường dùng để chế tạo:

- a. Phần tử cho các đồ dùng điện loại điện - quang
- b. Phần tử cho các đồ dùng điện loại điện - cơ
- c. Điện trở cho các đồ dùng điện loại điện - nhiệt**
- d. Cả a, b, c đều đúng

6. Vật liệu cách điện thường dùng để chế tạo:

- a. Các phân tử dẫn từ
- b. Các phân tử cách điện**
- c. Các phân tử dẫn điện
- d. Cả a, b, c đều sai

7. Khi quá nhiệt độ cho phép, tuổi thọ của vật liệu cách điện:

- a. Giảm không đáng kể
- b. Không còn
- c. Chỉ còn một nửa**
- d. Cả a, b, c đều sai

8. Thủy tinh, mica, cao su, amian, ... là:

- a. Vật liệu dẫn điện
- b. Vật liệu dẫn từ
- c. Vật liệu cách điện**

d. Cả a, b, c đều sai

9. Vật liệu dẫn từ là:

a. Vật liệu cho dòng điện chạy qua

b. Vật liệu mà đường sức từ trường chạy qua được

c. Vật liệu mà đường sức từ trường không chạy qua được

d. Cả a, b, c đều sai

10. Vật liệu dẫn từ có đặc tính:

a. Dẫn từ kém

b. Dẫn điện kém

c. Cách điện tốt

d. Dẫn từ tốt

11. Lõi của máy phát điện, động cơ điện, biến áp làm bằng vật liệu:

a. Đồng

b. Thép kỹ thuật điện

c. Nhôm

d. Cả a, b, c đều đúng

12. Vật liệu dẫn từ thường dùng là:

a. Hợp kim đồng, hợp kim nhôm, anico, ferit

b. Đồng, nhôm, pecmaloi, anico

c. Thép kỹ thuật điện, anico, ferit, pecmaloi

d. Cả a, b, c đều sai

13. Anico là vật liệu thường dùng làm:

a. Lõi dẫn từ của máy biến áp

b. Lõi dẫn từ của nam châm điện

c. Nam châm vĩnh cửu

d. Anten

14. Dựa vào nguyên lý biến đổi năng lượng, người ta phân đồ dùng điện thành ba loại:

a. Điện - quang, điện - nhiệt, điện từ

b. Điện - nhiệt, điện - quang, điện - cơ

c. Điện - cơ, điện - quang, điện - từ

d. Cả a, b, c đều sai

15. Đồ dùng điện loại điện - quang dùng để biến đổi:

a. Điện năng thành nhiệt năng

b. Điện năng thành quang năng

c. Điện năng thành cơ năng

d. Cả a, b, c đều đúng

16. Đồ dùng điện loại điện - nhiệt dùng để biến đổi:

a. Điện năng thành quang năng

b. Điện năng thành cơ năng

c. Điện năng thành nhiệt năng

d. Cả a, b, c đều đúng

17. Đồ dùng điện loại điện - cơ dùng để biến đổi:

a. Điện năng thành quang năng

b. Điện năng thành cơ năng

c. Điện năng thành nhiệt năng

d. Cả 3 đều đúng

18. Các số liệu kỹ thuật do nhà sản xuất quy định dùng để:

a. Sử dụng đồ dùng điện được tốt, bền lâu, an toàn

b. Cho người tiêu dùng dễ lựa chọn

c. Quảng cáo sản phẩm do mình sản xuất

d. Cả a, b, c đều đúng

19. Các đại lượng định mức thường ghi trên đồ dùng điện là:

a. Điện áp, tần số dòng điện và công suất định mức

b. Điện áp, dòng điện và công suất định mức

c. Công suất, dòng điện và tần số dòng điện định mức

d. Công suất, tần số dòng điện và dung tích sử dụng

20. Nhà em sử dụng nguồn điện có điện áp 220V, em chọn mua một bóng đèn cho đèn bàn học có số liệu kỹ thuật sau:

a. 110V - 40W

b. 220V - 300W

c. 220V - 40W

d. 110V - 400W

21. Để tránh hư hỏng đồ dùng điện, khi sử dụng cần chú ý:

a. Sử dụng đồ dùng điện thấp hơn với các số liệu kỹ thuật của chúng

b. Sử dụng đồ dùng điện cao hơn với các số liệu kỹ thuật của chúng

c. Sử dụng đồ dùng điện đúng với các số liệu kỹ thuật của chúng

d. Cả a, b, c đều sai

22. Đèn điện là đồ dùng loại:

a. Điện - nhiệt

b. Điện - quang

c. Điện - cơ

d. Cả a, b, c đều đúng

23. Đồ dùng loại điện - quang gồm các loại:

a. Đèn sợi đốt (đèn dây tóc)

b. Đèn huỳnh quang

c. Đèn phóng điện (đèn cao áp thủy ngân, đèn cao áp natri, ...)

d. Cả a, b, c đều đúng

24. Phần tử sợi đốt trong đèn sợi đốt còn gọi là:

a. Dây tóc

b. Dây điện trở

c. Dây kim loại

d. Cả a, b, c đều đúng

25. Sợi đốt làm bằng vật liệu:

a. Niken crôm

b. Vonfram

c. Ferit

d. Amian

26. Với bóng thủy tinh của đèn sợi đốt người ta thường:

a. Rút hết không khí và bơm khí trơ vào bóng

b. Chỉ bơm khí trơ vào trong bóng

c. Chỉ rút không khí ra khỏi bóng

d. Cả a, b, c đều sai

27. Đuôi đèn của đèn sợi đốt được làm bằng vật liệu:

a. Đồng hoặc sắt tráng kẽm

b. Mica hoặc sứ

c. Nhựa êbonit

d. Cả a, b, c đều sai

28. Ưu điểm của đèn sợi đốt là:

a. Hiệu suất phát quang thấp

b. Đèn phát ra ánh sáng liên tục

c. Tuổi thọ thấp

d. Cả a, b, c đều đúng

29. Tuổi thọ của đèn sợi đốt khoảng:

a. 500 giờ

b. 1000 giờ

c. 1500 giờ

d. 2000 giờ

30. Đèn sợi đốt có đặc điểm là:

a. Đèn phát ra ánh sáng liên tục và tuổi thọ cao

b. Đèn phát ra ánh sáng liên tục và hiệu suất phát quang cao

c. Đèn phát ra ánh sáng liên tục, hiệu suất phát quang thấp, tuổi thọ thấp

d. Đèn phát ra ánh sáng không liên tục, hiệu suất phát quang cao

31. Nhược điểm của đèn sợi đốt là:

a. Hiệu suất phát quang thấp và đèn phát ra ánh sáng liên tục

b. Đèn phát ra ánh sáng liên tục và tuổi thọ thấp

c. Hiệu suất phát quang thấp và tuổi thọ thấp

d. Cả a, b, c đều đúng

32. Trên bóng đèn có ghi 220V, 15W, các số liệu này lần lượt có ý nghĩa là:

a. Điện áp và công suất định mức đèn

b. Công suất và tần số dòng điện định mức của đèn

c. Điện áp và dòng điện định mức của đèn

d. Điện áp và tần số dòng điện định mức của đèn

33. Sau khi đóng điện, hiện tượng xảy ra ở tắc te và đèn ống huỳnh quang là:

a. Đèn ống huỳnh quang phát sáng rồi tắc te mới nhấp nháy

b. Tắc te không có hiện tượng gì, đèn ống huỳnh quang phát sáng

c. Tắc te nhấp nháy rồi đèn ống huỳnh quang mới phát sáng

d. Tắc te nhấp nháy, đèn ống huỳnh quang không phát sáng

34. Đồ dùng loại điện - nhiệt dùng trong gia đình gồm:

a. Các loại đèn chiếu sáng

b. Tủ lạnh, quạt điện, nồi cơm điện, bàn là điện

c. Máy bơm nước, đèn, quạt, bình nước nóng

d. Bàn là điện, bếp điện, nồi cơm điện, ấm điện, bình nước nóng

35. Năng lượng đầu vào của đồ dùng loại điện - nhiệt là:

a. Cơ năng

b. Điện năng

c. Nhiệt năng

d. Quang năng

36. Năng lượng đầu ra của đồ dùng loại điện - nhiệt là:

- a. Cơ năng
- b. Điện năng
- c. Nhiệt năng
- d. Quang năng

37. Yêu cầu kỹ thuật của dây đốt nóng trong đồ dùng loại điện - nhiệt là:

- a. Có điện trở suất lớn và chịu được nhiệt độ thấp
- b. Có điện trở suất lớn và chịu được nhiệt độ cao
- c. Có điện trở suất nhỏ và chịu được nhiệt độ cao
- d. Có điện trở suất nhỏ và chịu được nhiệt độ thấp

38. Dây niken-crôm có nhiệt độ làm việc khoảng:

- a. $900^{0C} \div 1000^{0C}$
- b. $1000^{0C} \div 1100^{0C}$
- c. $1100^{0C} \div 1200^{0C}$
- d. $1200^{0C} \div 1300^{0C}$

39. Dây phero-crôm có nhiệt độ làm việc khoảng:

- a. 750^{0C}
- b. 800^{0C}
- c. 850^{0C}
- d. 900^{0C}

40. Dây đốt nóng của bàn là điện, bếp điện, nồi cơm điện thường được làm bằng:

- a. Dây đồng-crôm
- b. Dây niken-crôm
- c. Dây phero-crôm
- d. Dây kẽm-crôm

41. Bàn là điện có cấu tạo gồm:

- a. Vỏ bàn là, đế, dây đốt nóng
- b. Núm điều chỉnh nhiệt độ, dây đốt nóng, đế, nắp
- c. Vỏ bàn là, đế, nắp, dây đốt nóng
- d. Dây đốt nóng, núm điều chỉnh nhiệt độ, nắp, đế

42. Vỏ bàn là điện gồm:

- a. Đế, dây đốt nóng
- b. Nắp, đèn tín hiệu
- c. Đế, nắp
- d. Đế, núm điều chỉnh nhiệt độ

43. Đế của bàn là điện làm bằng vật liệu:

- a. Gang
- b. Gang mạ crôm
- c. Đồng
- d. Thép mạ crôm

44. Nắp của bàn là điện làm bằng vật liệu:

- a. Đồng
- b. Gang mạ crôm
- c. Gang
- d. Thép mạ crôm

45. Công suất định mức của bàn là điện trong khoảng:

- a. $300W \div 500W$
- b. $300W \div 800W$
- c. $300W \div 1000W$
- d. $800W \div 1200W$

46. Khi sử dụng bàn là cần chú ý:

- a. Sử dụng đúng điện áp định mức
- b. Điều chỉnh nhiệt độ cho phù hợp với từng loại vải
- c. Giữ gìn mặt đế bàn là sạch và nhẵn
- d. Cả a, b, c đều đúng

47. Hai bộ phận chính bếp điện là:

- a. Đèn báo hiệu, thân bếp
- b. Dây đốt nóng, thân bếp
- c. Đèn báo hiệu, dây đốt nóng
- d. Dây đốt nóng, công tắc chỉnh nhiệt độ

48. Sự khác nhau của bếp điện kiểu hở và bếp điện kiểu kín là:

- a. Dây đốt nóng kiểu hở quấn thành lò xo và đặt vào rãnh của thân bếp
- b. Dây đốt nóng kiểu hở làm bằng vật liệu chịu nhiệt cao hơn kiểu kín
- c. Dây đốt nóng kiểu kín được đúc trong ống chịu nhiệt và cách điện
- d. Hai câu a và c đúng

49. Bếp điện kiểu kín và bếp điện kiểu hở, loại nào an toàn hơn?

- a. Bếp điện kiểu hở
- b. Bếp điện kiểu kín
- c. Cả hai loại an toàn như nhau
- d. Cả a, b, c đều sai

50. Khi sử dụng bếp điện cần chú ý:

- a. Sử dụng đúng điện áp định mức của bếp điện
- b. Không để thức ăn, nước rơi vào dây đốt nóng
- c. Đảm bảo an toàn về điện nhiệt
- d. Cả a, b, c đều đúng

51. Bộ phận chính của nồi cơm điện là:

- a. Vỏ nồi, xoong, nắp trong
- b. Vỏ nồi, soong, dây đốt nóng
- c. Vỏ nồi, soong, nắp ngoài
- d. Vỏ nồi, soong, núm hẹn giờ

52. Bộ phận đốt nóng của nồi cơm điện có:

- a. Một dây đốt nóng chính
- b. Hai dây đốt nóng chính
- c. Dây đốt nóng chính và dây đốt nóng phụ
- d. Cả a, b, c đều sai

53. Nồi cơm điện khác bếp điện về cấu tạo như :

- a. Có vỏ nồi và soong
- b. Công suất lớn hơn
- c. Có 2 dây đốt nóng
- d. Hai câu a và b đúng

54. Các số liệu kỹ thuật của nồi cơm điện:

- a. Điện áp và công suất định mức

- b. Điện áp và dung tích soong
- c. Điện áp và tần số dòng điện định mức
- d. Điện áp, công suất định mức, dung tích soong

55. Khi sử dụng nồi cơm điện, cần chú ý:

- a. Sử dụng đúng điện áp định mức
- b. Bảo quan nơi khô ráo
- c. Thường xuyên lau chùi sạch sẽ

Cả a, b, c đều đúng

56. Quạt điện, máy bơm nước là đồ dùng loại:

- a. Điện - nhiệt
- b. Điện - quang
- c. Điện - cơ
- d. Cả a, b, c đều đúng

57. Động cơ điện một pha có bộ phận chính:

- a. 2
- b. 3
- c. 4
- d. 5

58. Hai bộ phận chính của động cơ điện một pha là:

- a. Stato, dây quấn
- b. Stato, lõi thép
- c. Stato, rôto
- d. Lõi thép, dây quấn

59. Stato là bộ phận:

- a. Quay
- b. Đứng yên
- c. Chuyển động
- d. Cả a, b, c đều sai

60. Rôto là bộ phận:

- a. Quay
- b. Đứng yên
- c. Cố định
- d. Chuyển động tròn

61. Lõi thép stato, roto làm bằng:

- a. Anico
- b. Lá thép kỹ thuật điện ghép lại
- c. Pecmaloi
- d. Ferit

62. Dây quấn stato làm bằng:

- a. Lá thép kỹ thuật điện
- b. Dây kẽm
- c. Dây nhôm
- d. Dây điện từ

63. Điện năng của động cơ điện tiêu thụ được biến đổi thành:

- a. Nhiệt năng
- b. Cơ năng

- c. Quang năng
- d. cả a, b, c đều sai

64. Để động cơ làm việc tốt, bền lâu, khi sử dụng cần chú ý các điểm sau :

- a. Điện áp đưa vào động cơ bằng điện áp định mức động cơ
- b. Không để động cơ làm việc quá công suất định mức
- c. Cần tra dầu mỡ định kỳ và đặt động cơ nơi khô ráo, thoáng gió
- d. Cả a, b, c đều đúng

65. Hai bộ phận chính của quạt điện là:

- a. Động cơ điện, trục động cơ
- b. Động cơ điện, vỏ quạt
- c. Động cơ điện, công tắc quạt
- d. Động cơ điện, cánh quạt

66. Cánh của quạt điện thường được làm bằng:

- a. Kim loại hoặc cao su
- b. Kim loại hoặc nhựa
- c. Cao su hoặc nhựa ebonit
- d. Cao su hoặc mica

67. Giờ cao điểm dùng điện trong ngày được tính:

- a) 17 giờ đến 22 giờ
- b) 18 giờ đến 22 giờ
- c) 19 giờ đến 22 giờ
- d) 20 giờ đến 22 giờ

68. Giờ cao điểm có đặc điểm là:

- a. Điện áp của mạng điện tăng lên, nhà máy không đủ khả năng cung cấp điện
- b. Điện áp của mạng điện giảm xuống, nhà máy thừa khả năng cung cấp điện
- c. Điện áp của mạng điện không đổi, nhà máy đủ khả năng cung cấp điện
- d. Điện áp của mạng điện giảm xuống, ảnh hưởng xấu đến chế độ làm việc của đồ dùng điện

69. Khi điện áp của mạng điện giảm xuống sẽ làm:

- a. Tuổi thọ của đồ dùng điện tăng
- b. Ảnh hưởng xấu đến chế độ làm việc của đồ dùng điện
- c. Giảm điện năng tiêu thụ của đồ dùng điện
- d. Cả a, b, c đều đúng

70. Để sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện năng phải:

- a. Giảm bớt tiêu thụ điện năng trong giờ cao điểm
- b. Sử dụng đồ dùng điện hiệu suất cao để tiết kiệm điện năng
- c. Không sử dụng lãng phí điện năng
- d. Cả a, b, c đều đúng

71. Để chiếu sáng trong nhà, công sở chúng ta nên dùng:

- a. Đèn sợi đốt
- b. Đèn compac huỳnh quang
- c. Đèn ống huỳnh quang
- d. Đèn led

72. Để nấu cơm chúng ta nên dùng:

- a. Bếp điện
- b. Nồi cơm điện

c. Nồi cơm điện có dung tích phù hợp

d. Bếp từ

73. Công thức tính điện năng tiêu thụ của đồ dùng điện là:

a. $A = Ut$

b. $A = Pt$

c. $A = It$

d. $A = UIt$

74. Thiết bị và đồ dùng điện nào dưới đây phù hợp với mạng điện trong nhà:

a. Quạt điện 220V - 30W

b. Bóng đèn điện 12V - 3W

c. Máy giặt 110V - 400W

d. Công tắc điện 500V - 10A

75. Đồ dùng điện trong gia đình có công suất:

a. Rất giống nhau

b. Tiêu thụ điện năng khác nhau

c. Rất khác nhau

d. Hai câu b, c đúng

76. Các yêu cầu của mạng điện trong nhà:

a. Mạng điện được thiết kế, lắp đặt đảm bảo cung cấp đủ điện cho các đồ dùng điện

b. Mạng điện phải đảm bảo an toàn, bền và đẹp

c. Dễ kiểm tra và sửa chữa

d. Cả a, b, c đều đúng

77. Cấu tạo của mạng điện trong nhà gồm:

a. Công tơ điện, dây dẫn điện, đồ dùng điện

b. Công tơ điện, dây dẫn điện, các thiết bị đóng - cắt, bảo vệ và lấy điện

c. Công tơ điện, dây dẫn điện, các thiết bị đóng - cắt, bảo vệ và lấy điện, đồ dùng điện

d. Công tơ điện, các thiết bị đóng - cắt, bảo vệ và lấy điện, đồ dùng điện

78. Để đo khả năng tiêu thụ điện năng của mỗi hộ gia đình, người ta sử dụng:

a. Vôn kế

b. Công tơ điện

c. Ôm kế

d. Ampe kế

79. Để đóng - cắt mạch điện, người ta thường dùng:

a. Cầu dao, ổ điện

b. Cầu dao, công tắc điện

c. Cầu dao, phích cắm điện

d. Cầu dao, cầu chì.

80. Để cung cấp điện cho các đồ dùng điện, người ta dùng:

a. Cầu dao, ổ điện

b. Công tắc điện, cầu chì

c. Cầu dao, cầu chì

d. Ổ điện, phích cắm điện

81. Để bảo vệ mạch điện và đồ dùng điện, người ta dùng:

a. Cầu dao, aptomat

b. Cầu chì, aptomat

c. Cầu dao, cầu chì

d. Cầu dao, phích cắm điện

82. Điện năng tiêu thụ của dòng điện dùng để:

- a. Tính điện áp của dòng điện.
- b. Tính cường độ của dòng điện.
- c. Tính lượng điện đã sử dụng.
- d. Tính điện trở

83. Lượng điện đã tiêu thụ của 1 chiếc quạt, công suất 40w, chạy trong 4 giờ là:

- a. 160 w
- b. 170 w
- c. 150 w
- d. 160 wh

84. Lượng điện đã tiêu thụ của 1 chiếc bếp từ có công suất 2100 w đun trong 3 h là

- a. 630 w
- b. 630 v
- c. 6,3 kw
- d. 630 kw

85. Lượng điện đã tiêu thụ của 6 chiếc đèn ống huỳnh quang, công suất 40w sáng liên tục trong 4 giờ là :

- a. 960 wh.
- b. 90 w
- c. 960 A
- d. 9,6 kw

86.Đâu là đồ dùng loại điện – quang trong các đồ dùng sau:

- A. Bình nước nóng B. Máy sấy C. Quạt điện D. Bóng đèn

87. Lớp bột huỳnh quang của bóng đèn huỳnh quang được tạo chủ yếu từ chất gì?

- A. Lưu huỳnh B. Photpho C. Thủy ngân D. Bạc

88. Dây đốt nóng của bàn là điện được làm từ kim loại nào?

- A. Vonfram B. Sắt C. Thép D. Niken - crom

89 Vỏ nồi cơm điện thường có 2 lớp, giữa 2 lớp có bông thủy tinh. Vậy bông thủy tinh có tác dụng gì?

- A. Trang trí B. Cách điện C. Cách nhiệt D. Cách âm

90. Hãy phân tích các việc làm dưới đây và ghi chữ LP (lãng phí điện năng), chữ TK (tiết kiệm điện năng) vào

- Tan học tắt đèn phòng học.
- Cắt điện bình nước nóng khi không sử dụng.
- Bật đèn ở phòng tắm, phòng vệ sinh suốt ngày đêm.
- Khi ra khỏi nhà, bật điện các phòng.

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

TỰ LUẬN

Câu 1.Nêu các biện pháp sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện năng. Nêu ví dụ cụ thể cho từng biện pháp đó.

- Giảm bớt tiêu thụ điện năng trong giờ cao điểm. HS tự tìm ví dụ
- Sử dụng đồ dùng điện hiệu suất cao để tiết kiệm điện năng.HS tự tìm ví dụ

- Không sử dụng lãng phí điện năng.HS tự tìm ví dụ

Câu 2.Điện năng tiêu thụ trong một ngày của gia đình bạn Nam là:

STT	Tên đồ dùng điện	Công suất P (W)	Số lượng	Thời gian sử dụng trong ngày t (h)	Tiêu thụ điện năng trong ngày A (Wh)
1	Đèn tuýp	40	3	4	
2	Quạt bàn	45	4	3	
3	Tủ lạnh	150	1	24	
4	Tivi	200	2	2	
5	Nồi Cơm điện	630	1	1.5	
6	Bơm nước	250	1	0.5	
7	Bếp từ	20000	1	1	
8	Máy vi tính	120	2	3	

a) Nêu công thức tính điện năng tiêu thụ của đồ dùng điện (Nêu rõ ý nghĩa của các thông số và đơn vị tương ứng).

.....

.....

.....

.....

b) Tính điện năng tiêu thụ của gia đình Nam trong 1tháng (30 ngày). Biết rằng mỗi ngày sử dụng điện như nhau.

.....

.....

.....

.....

c) Tính tiền điện của gia đình bạn Nam phải trả trong 1tháng (30 ngày) . Biết 1KWh điện giá 4000đ

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Hãy nêu đặc điểm của mạng điện trong nhà?

- Có điện áp định mức là 220V

- Đồ dùng điện rất đa dạng và có công suất khác nhau
- Điện áp định mức của các đồ dùng điện phải phù hợp với điện áp định mức của mạng điện trong nhà. Riêng các thiết bị đóng cắt, bảo vệ và lấy điện điện áp định mức có thể lớn hơn điện áp định mức của mạng điện trong nhà.

THCS VĂN QUẢN